TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13/3/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thinh.
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Công Quyền
2/ Ông Tô Hiền Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thảo Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXX-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị L.T.Q- sinh năm 1976; địa chỉ: ấp Long Bình, xã Long Thành Nam, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Anh B.V.C - sinh năm 1978; địa chỉ: ấp Long Hải, xã Trường Tây, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

(Các đương sự vắng có đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị L.T.Q trình bày: Chị và anh C chung sống với nhau vào năm 2009, không đăng ký kết hôn. Sau thời gian vợ chồng sống chung không hợp nhau, thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm cãi nhau mỗi người có ý kiến riêng của mình, nên tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn được, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay, hiện chị đã về nhà cha mẹ ruột của chị ở, nên yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Bùi Thị Mỹ Trân, sinh ngày 04/02/2011, chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung: Không yêu cầu, không nợ chung.

Tại lời khai ngày 14 tháng 02 năm 2023 bị đơn anh B.V.C trình bày: Anh và chị Q chung sống với nhau vào năm 2009, không đăng ký kết hôn. Thời gian vợ

chồng sống chung xảy ra mâu thuẫn, nhiều lần vợ nộp đơn ly hôn sau đó vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên sau đó vẫn không hạnh phúc. Nay xin ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Bùi Thị Mỹ Trân, sinh ngày 04/02/2011, anh yêu cầu nuôi con, không yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con. Nếu vợ anh có đủ điều kiện nuôi con như nhà cửa, kinh tế thì anh đồng ý giao con cho vợ nuôi, còn không anh nuôi con đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự, những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 9, 14, 81,82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326 về án phí lệ phí: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Q. Tuyên bố không công nhận chị Q và anh C là vợ chồng Con chung giao cho chị Q nuôi dưỡng; ghi nhận chị Q không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung không yêu cầu, nợ chung không có, nên không đặt ra giải quyết; tính án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị L.T.Q là nguyên đơn, anh B.V.C là bị đơn có đơn xin vắng mặt, nên cần áp dụng vào Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị Q và anh C.

[2]. Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Chị L.T.Qvà anh B.V.C chung sống với nhau vào năm 2009, không đăng ký kết hôn. Quá trình chị Q và anh C sống chung có phát sinh mâu thuẫn, cuối năm 2022 chị Q về nhà cha mẹ ruột sinh sống, anh chị sống ly thân đến nay, nay hàn gắn không được, chị Q yêu cầu được ly hôn. Đối với anh C thừa nhận vợ chồng sống chung có nhiều mâu thuẫn, nay hàn gắn không được nên anh đồng ý ly hôn, nhưng do anh chị sống chung không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 và khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, nên không công nhận chị Q và anh C là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Thị Mỹ Trân - sinh ngày 04/02/2011, hiện đang sống chung với anh C; Ý kiến chị Q, cháu Trân có nguyện vọng sống với chị, chị nuôi và chị không yêu cầu cấp dưỡng. Ngược lại, ý kiến của anh C chị Q có đủ điều kiện nuôi con thì anh đồng ý giao, không đủ thì anh nuôi con

đến 18 tuổi, anh không yêu cầu cấp dưỡng. Thấy rằng, qua hỏi nguyện vọng của cháu Trân, cháu có nguyện vọng sống với chị Q. Hơn nữa, cháu Trân là con gái nên cần có sự chăm sóc của người mẹ sẽ tốt cho cháu về mọi mặt, nên cần giao cho chị Q trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc cháu Trân là phù hợp với nguyện vọng của cháu. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng do chị Q không yêu cầu cấp dưỡng, nên anh C không phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện cháu Trân đang sống cùng với anh C, nên anh C có trách nhiệm giao cháu Trân cho chị Q nuôi dưỡng.

Sau khi tuyên bố không công nhận chị Q và anh C là vợ chồng, anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở.

[4]. Tài sản chung, nợ chung: Chị Q, anh C khai không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn như nhận định nêu trên là có cơ sở phù hợp.

[6]. Về án phí: Chị Q phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 14 và Điều 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ giữa chị Trần Thị Kim Diệu và anh Lê Văn Phương là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bùi Thị Mỹ Trân - sinh ngày 04 tháng 02 năm 2011.

Hiện cháu Trân đang sống cùng với anh C, nên anh C có trách nhiệm giao cháu Trân cho chị Q nuôi dưỡng.

Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con, vì chị Q không yêu cầu.

Sau khi tuyên bố không công nhận chị Q và anh C là vợ chồng, anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chị Q và anh C khai không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0021260 ngày 03/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, chị Q đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh**;**
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS,TA.

Nguyễn Thị Thinh